

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HS-ST
Ngày: 30.5.2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Bận

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2023/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Bị cáo: Trần Văn T, sinh năm 1999 tại: S; hộ khẩu thường trú: ấp Phong H, xã Phong N, huyện Kế S, tỉnh S; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ nhân thân lai lịch và mẹ là bà Trần Thị H, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thuận An từ ngày 08/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phan Hoàng Kh, sinh năm 2003; nơi cư trú: Số 1/33 khu phố Hoà L2, phường Thuận G, thành phố T, tỉnh B; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Quang Tr, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là đối tượng không có việc làm và sống lang thang tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Khoảng đầu tháng 02/2023, thông qua mạng xã hội Blue, bị cáo T kết bạn với Phan Hoàng K; khi đến phòng trọ của K chơi, bị cáo thấy K có tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của K. Để thực hiện ý định của mình, ngày 07/02/2023, bị cáo T đến phòng trọ của K chơi, lợi

dụng lúc K đi tắm, bị cáo sử dụng chìa khóa xe được treo trên tường và dắt xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc - Đen, biển số: 67D2-142.xx ra khỏi phòng trọ; trong cốp xe có sẵn căn cước công dân và giấy đăng ký xe (bản sao y). Sau khi lấy được xe, bị cáo điều khiển xe đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ: 8L/8A khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh B để bán được số tiền 24.500.000 đồng.

Bị cáo sử dụng số tiền bán xe để mua 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu xanh dương với số tiền 1.200.000 đồng; tiếp đó, bị cáo đến tiệm vàng và cầm đồ Kim H mua 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng với số tiền 7.900.000 đồng, 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng với số tiền 6.265.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng với số tiền 5.457.000 đồng và tiêu xài cá nhân; số tiền còn lại là 1.100.000 đồng. Sau đó, bị cáo đến nhà nghỉ L nghỉ ngơi để chờ đến ngày 08/02/2023 sẽ bỏ trốn về quê.

Sau khi phát hiện mất xe mô tô, K đến Công an phường Thuận G, thành phố T trình báo vụ việc. Đến khoảng 06 giờ 00 ngày 08/02/2023, K và Công an phường Thuận G phát hiện bị cáo T đang ở nhà nghỉ L nên đã mời bị cáo về Công an phường Thuận G làm việc. Quá trình làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (một) căn cước công dân tên Phan Hoàng K; Số tiền 1.100.000 đồng; 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M1); 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M2); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M3); 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng OPPO F7 màu xanh dương, số Imei: 869383038032934, số Imei 2: 8693830388032936; 01 (một) áo khoác dài tay màu nâu kem cỡ chữ E426; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc – Đen, biển số: 67D2-142.xx, số khung: 230042, số máy: 221341167.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 13/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định tài sản bị chiếm đoạt: xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc – Đen, biển số: 67D2-142.54, số khung: 230042, số máy: 22134167 có giá trị là 48.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 2496/KL-KTHS ngày 20/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu ký hiệu M1 được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Bạc (Ag), Đồng (Cu). Hàm lượng Vàng (Au): 61,68%, Bạc (Ag): 18,68%, Đồng (Cu): 19,65%, khối lượng 6,4487 gam.

- Mẫu ký hiệu M2 được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Đồng (Cu), Kẽm (Zn) và Niken (Ni). Hàm lượng Đồng (Cu): 81,71%, Kẽm (Zn): 8,72% và Niken (Ni): 7,79%, khối lượng 8,3399 gam. Mẫu vật được mạ một lớp vàng mỏng bên ngoài, không xác định được khối lượng, hàm lượng.

- Mẫu ký hiệu M3 được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Bạc (Ag), Đồng (Cu). Hàm lượng Vàng (Au): 61,68%, Bạc (Ag): 16,99%, Đồng (Cu): 21,04%, khối lượng 6,4487 gam.

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKS-TA ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Đối với 01 (một) áo khoác dài tay màu nâu kem có chữ E426 là tài sản của bị cáo Trần Văn T, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại cho bị cáo T là có căn cứ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc – Đen, biển số: 67D2-142.xx, số khung: 230042, số máy: 221341167 và Căn cước công dân tên Phan Hoàng K: Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản và giấy tờ hợp pháp của ông K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại cho ông K là có căn cứ;

Đối với số tiền 1.100.000đồng, 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M3), 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M1) và 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng OPPO F7 màu xanh dương, số Imei 1: 869383038032934, số Imei 2: 8693830388032936: Quá trình điều tra xác định, tiền và tài sản trên do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu để đảm bảo thi hành án;

Đối với 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M2): Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản của bị cáo Trần Văn T tại Công an phường Thuận G, thành phố T, bị cáo nhầm lẫn chiếc nhẫn trên với chiếc nhẫn đã mua tại tiệm vàng, cầm đồ Kim H và đã giao cho Công an phường Thuận Giao nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng do bị cáo T sử dụng tiền do phạm tội mà có mua tại tiệm vàng và cầm đồ Kim H: Quá trình điều tra xác định, bị cáo nhầm lẫn với chiếc nhẫn của bị cáo trước đó nên không giao nộp mà vứt bỏ, vật chứng không thu giữ được nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Quang Tr yêu cầu bị cáo T trả lại 24.500.000đồng là tiền ông Tr dùng để mua xe của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, ông Tr không biết xe mô tô trên do bị cáo phạm tội mà có nên yêu cầu của ông Tr là có căn cứ, vì vậy cần buộc bị cáo trả lại số tiền trên cho ông Tr.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ

quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Trong các Bản tường trình; Biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai. Bị cáo Trần Văn T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/02/2023, bị cáo Trần Văn T có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc - Đen, biển số: 67D2-142.xx của bị hại Phan Hoàng K để bán lấy tiền tiêu xài; giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 48.000.000đồng. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo có khả năng lao động lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích cực lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình và có ý thức cải tạo, sửa đổi thành công dân tốt.

[2.2] Khi bán xe, bị cáo T đã dùng giấy tờ xe và căn cước nhân dân của ông K có sẵn trong cốp xe để chứng minh xe của mình nên ông Đỗ Quang Tr không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông Tr là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, sống lang thang tại khu vực phường Thuận G, thành phố T, tỉnh B, bị cáo dùng tài khoản trên mạng xã hội để kết bạn với người khác nhằm tìm kiếm cơ hội chiếm đoạt tài sản của bị hại; giá trị tài sản chiếm đoạt lớn (48.000.000 đồng); sau khi bán được xe, bị cáo đã mua các tài sản có giá trị (điện thoại, trang sức kim loại vàng) để dễ dàng mang theo trên người; bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

[4.1] Đối với 01 (một) căn cước công dân tên Phan Hoàng K và 01 (một) xe mô

tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Bạc – Đen, biển số: 67D2-142.54, số khung: 230042, số máy: 221341167: Qua điều tra xác định, đây là giấy tờ tùy thân và tài sản hợp pháp của bị hại Phan Hoàng K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho ông K là có căn cứ.

[4.2] Đối với các tài sản gồm: Số tiền 1.100.000 đồng; 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M1); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M3); 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng OPPO F7 màu xanh dương, số Imei 1: 869383038032934, số Imei 2: 8693830388032936: Quá trình điều tra xác định, tiền và các tài sản trên là do bị cáo dùng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

[4.3] Đối với 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M2): Qua giám định kết luận mẫu vật có thành phần kim loại là Đồng (Cu), Kẽm (Zn) và Niken (Ni), được mạ một lớp vàng mỏng bên ngoài không xác định được khối lượng, hàm lượng. Quá trình làm việc tại Công an phường Thuận G, bị cáo đã giao nộp nêu trên. Bị cáo khai nhận, đây không phải là chiếc nhẫn mà bị cáo đã mua tại tiệm vàng và cầm đồ Kim H mà là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo T.

[4.4] Đối 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng - bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua tại tiệm vàng và cầm đồ Kim Huyền với số tiền 7.900.000đồng: Qua điều tra, bị cáo khai nhận đã không giao nộp và vứt bỏ chiếc nhẫn nêu trên vì nhầm lẫn với chiếc nhẫn của mình (mẫu vật chứng ký hiệu M2); vật chứng không thu giữ được nên không xử lý.

[4.5] Đối với 01 (một) áo khoác dài tay màu nâu kem có chữ E426: Qua điều tra xác định, đây là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị hại Trần Văn T đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Quang Tr yêu cầu bị cáo T trả lại 24.500.000đồng đã mua xe. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý trả lại số tiền 24.500.000đồng cho ông Tr nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Điều 106, Điều 136 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1 Tiếp tục tạm giữ các tài sản gồm: số tiền 1.100.000 đồng; 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M1); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M3); 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng OPPO F7 màu xanh dương, số Imei1: 869383038032934, số Imei 2: 8693830388032936 để đảm bảo thi hành án;

2.2 Trả lại cho bị cáo Trần Văn T: 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M2);

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 05/5/2023 và Biên bản giao nhận tài sản ngày 05/5/2023 giữa Công an thành phố Thuận An với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B; Ủy nhiệm chi ngày 05/5/2023 Kho bạc Nhà nước Thuận An).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Đỗ Quang Tr số tiền 24.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu:HS,THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hoài Phương